

VỊ TRÍ CỦA GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP TRONG HỆ THỐNG GIÁO DỤC CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA - NGHIÊN CỨU SO SÁNH VÀ GIÁ TRỊ THAM KHẢO CHO VIỆT NAM

Phạm Thị Minh Hiền^{1*}, Mai Phương Bằng², Đinh Mai Hà³

Tóm tắt. Một trong các điểm mới quan trọng trong dự thảo Luật Giáo dục nghề nghiệp (sửa đổi) là bổ sung chương trình giáo dục trung học nghề với mục tiêu nâng cao hiệu quả phân luồng người học sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở. Nhiều ý kiến cho rằng cần nghiên cứu kỹ để xác định vị trí của chương trình giáo dục trung học nghề trong hệ thống giáo dục (thuộc giáo dục phổ thông hay giáo dục nghề nghiệp, hoặc tích hợp cả hai) và nghiên cứu việc thiết kế chương trình cho trung học nghề để bảo đảm chất lượng đào tạo. Bài nghiên cứu này sẽ tập trung phân tích, so sánh về việc phân luồng học giáo dục nghề nghiệp và vị trí của giáo dục nghề nghiệp trong hệ thống giáo dục của ba quốc gia gồm Pháp, Cộng hoà Liên bang Đức và Úc từ đó rút ra các giá trị tham khảo cho Việt Nam khi xem xét các vấn đề nêu trên.

Từ khóa: Giáo dục nghề, giá trị, Việt Nam.

1. Đặt vấn đề

Trên thế giới, ba thuật ngữ tiếng Anh gồm "Vocational Education and Training" (VET) với nghĩa giáo dục và đào tạo nghề, "Technical Vocational Education and Training" (TVET) với nghĩa giáo dục và đào tạo nghề kỹ thuật và "Vocational Training" với nghĩa đào tạo nghề được sử dụng thay thế và đều được hiểu chung là bậc/lĩnh vực đào tạo chú trọng đào tạo kỹ năng thực hành của một ngành, nghề cụ thể và tạo cơ hội cho người học sớm tham gia thị trường lao động. Việt Nam sử dụng thuật ngữ "dạy nghề" theo Luật Dạy nghề 2006 và "GDNN" theo Luật GDNN năm 2014. Trong bài viết này, thuật ngữ GDNN sẽ được sử dụng để bảo đảm thống nhất và dễ theo dõi.

Theo Luật GDNN năm 2014 của Việt Nam, GDNN được định nghĩa "là một bậc học của hệ thống giáo dục quốc dân nhằm đào tạo trình độ sơ cấp, trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng và các chương trình đào tạo nghề nghiệp khác cho người lao động, đáp ứng nhu cầu nhân lực trực tiếp trong sản xuất, kinh doanh và dịch vụ." Dự thảo Luật GDNN (sửa đổi) được thảo luận tại Kỳ họp thứ 10 Quốc hội khóa XV (diễn ra từ ngày 20/10 tới 12/12/2025) bổ sung chương trình giáo dục trung học nghề. Theo đó, GDNN sẽ bao gồm (i) chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, (ii) chương trình đào tạo trình độ trung cấp, (iii) chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, (iv) chương trình giáo dục trung học nghề và (v) các chương trình đào tạo nghề khác. Mục tiêu bổ sung chương trình giáo dục trung học nghề là để phân luồng người học tốt nghiệp THCS tham gia GDNN hiệu quả hơn so với Luật GDNN 2014. Theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục cũng đang bàn tại Kỳ họp này, hệ thống giáo dục bao gồm giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông (tiểu học, THCS, THPT), GDNN, giáo dục đại học (đại học và sau đại học). Nhiều ý kiến cho rằng cần nghiên cứu kỹ và xác định vị trí của trung học nghề trong hệ thống giáo dục (thuộc giáo dục phổ thông hay GDNN, hoặc tích hợp cả hai) đồng thời cần nghiên cứu việc thiết kế chương trình cho trung học nghề để bảo đảm chất lượng đào tạo.

Ngày nhận bài: 17/09/2025. Ngày chỉnh sửa: 25/10/2025. Ngày nhận đăng: 15/11/2025.

¹Chương trình phát triển nguồn nhân lực Việt Nam – Australia (Aus4Skills),

Nghiên cứu sinh Quản lý giáo dục Đại học sư phạm Hà Nội

²Bộ Dân tộc và Tôn giáo

³Cao đẳng FPT Polytechnic

*Tác giả liên hệ: Phạm Thị Minh Hiền. Địa chỉ e-mail: hien.pham@aus4skills.org

Bài nghiên cứu này sẽ tập trung phân tích, so sánh việc phân luồng và vị trí của GDNN trong hệ thống giáo dục của ba quốc gia gồm Pháp, CHLB Đức và Úc từ đó rút ra giá trị tham khảo cho Việt Nam khi xem xét các vấn đề nêu trên. Bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu tài liệu, trong đó bao gồm các trang thông tin điện tử của cơ quan quản lý về giáo dục của các quốc gia nghiên cứu và của tổ chức quốc tế có uy tín.

2. Vị trí của giáo dục nghề nghiệp trong hệ thống giáo dục của một số quốc gia

Để hiểu rõ vị trí của GDNN trong hệ thống giáo dục của quốc gia, bài viết này sẽ tóm tắt hệ thống giáo dục của mỗi nước trong đó tập trung kỹ hơn về phân luồng cũng như việc thiết kế chương trình của GDNN ở bậc trung học phổ thông (THPT).

2.1. Mô hình của Pháp

Hệ thống giáo dục của Pháp gồm cấp học sau đây:

- (1) Giáo dục tiền tiểu học: học sinh từ 3 - 6 tuổi
- (2) Giáo dục tiểu học: học sinh từ 6 - 11 tuổi
- (3) Giáo dục trung học: học sinh từ 12 - 18 tuổi, trong đó:

Giáo dục trung học cơ sở (THCS): dành cho học sinh từ 12 - 15 tuổi, thời gian học 4 năm, kết thúc bằng kỳ thi lấy bằng Diplôme national du brevet để tiếp cận giáo dục THPT.

Giáo dục THPT: dành cho học sinh từ 16-18 tuổi, kết thúc bằng kỳ thi lấy 1 trong 3 loại bằng sau:

Diplôme du baccalauréat général (Bằng THPT): Học sinh học tại một lycée d'enseignement général et technologique (LEGT), thời lượng: 3 năm, nội dung học là các môn học giáo dục phổ thông. Chức năng của bằng cấp: tiếp cận giáo dục đại học.

Diplôme du baccalauréat technologique (Bằng trung học kỹ thuật): Học sinh theo học tại LEGT, thời lượng: 3 năm, định hướng kỹ thuật trong giáo dục THPT. Nội dung học là kết hợp các môn học giáo dục phổ thông và kỹ thuật/dạy nghề. Chức năng của bằng cấp: tiếp cận giáo dục đại học, đặc biệt là các chương trình khoa học và kỹ thuật.

Diplôme du baccalauréat professionnel (Bằng tốt nghiệp trung học chuyên nghiệp). Học sinh theo học để lấy bằng tại một trường trung học chuyên nghiệp (lycée professionnel), hoặc tại một công ty, thời lượng: 3 năm, nội dung học trọng tâm là các môn học cho một nghề cụ thể. Trong năm thứ nhất, học sinh học các môn thuộc một lĩnh vực nghề nghiệp (famille de métiers) mà họ lựa chọn. Từ năm thứ hai trở đi, họ chọn một chuyên ngành trong lĩnh vực nghề nghiệp đó (spécialité) và trong một số trường hợp là một lựa chọn trong chuyên ngành đó. Học sinh cũng học một số môn giáo dục phổ thông (enseignement général). Chức năng của bằng cấp: người học có thể làm việc ngay sau khi tốt nghiệp.

Học sinh có thể học lên cao hơn qua các con đường như học tiếp lên bậc giáo dục đại học gồm BTS (Brevet de Technicien Supérieur) – chương trình đào tạo kỹ thuật cao cấp kéo dài 2 năm (có thể học theo hình thức chính quy hoặc học nghề kết hợp làm việc) hoặc, BUT (Bachelor Universitaire de Technologie) thường dành cho học sinh có hồ sơ học tập mạnh và động lực rõ ràng.

Ba bằng cấp THPT nêu trên tương đương bậc 3 hệ thống phân loại giáo dục quốc tế (ISCED) và bậc 4 khung tham chiếu trình độ châu Âu (EQF).

- (4) Giáo dục sau trung học gồm:

Brevet de Technicien Supérieur (BTS): thời lượng 2 năm học sau THPT. BTS chú trọng đào tạo kỹ năng nghề và định hướng ra thị trường lao động sau khi tốt nghiệp. Chương trình đào tạo tại một Institute Universitaire de Technologie, một trường THPT (lycée) hoặc (đôi khi) một cơ sở giáo dục đại học tư nhân.

Diplôme Universitaire de Technologie (DUT): thời lượng 2 năm sau THPT, định hướng đào tạo lý thuyết và thực hành, định hướng ra thị trường lao động sau khi tốt nghiệp. Đôi khi, bằng cấp này cho phép tiếp cận giáo dục cao hơn là Licence professionnelle.

Hai bằng BTS và DUT nêu trên được xếp tương đương bậc 5 ISCED và bậc 5 EQF.

Bachelor Universitaire de Technologie (BUT) thông qua chương trình học tại Instituts Universitaires de Technologie (IUT): Thời lượng: 3 năm. Yêu cầu đầu vào là bằng THPT, trung học kỹ thuật và BTS. Được xếp bậc 6 ISCED và bậc 6 EQF.

Licence: Thời lượng: 3 năm, định hướng tiếp cận các chương trình thạc sĩ hoặc đi làm, thường là các môn học định hướng nghiên cứu, đôi khi là các môn học nghề. Được xếp bậc 6 ISCED và bậc 6 EQF.

Licence professionnelle: Thời lượng: 1 đến 3 năm, định hướng sau khi tốt nghiệp là đi làm. Yêu cầu đầu vào là BTS, DUT, năm 2 của Licence, hoặc bằng cấp khác tương đương ISCED bậc 5. Được xếp bậc 6 ISCED và bậc 6 EQF.

Thạc sĩ (Master): 2 năm. Được xếp bậc 7 ISCED và bậc 7 EQF

Tiến sĩ (Docteur): Thường ít nhất là 3 năm. Được xếp bậc 8 ISCED và bậc 8 EQF

Từ các thông tin trên, có thể nhận định như sau:

Pháp không thiết kế GDNN là cấp/bậc học độc lập như ở Việt Nam (theo Luật Giáo dục 2019 hay như dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Giáo dục) mà GDNN của Pháp được tích hợp trong các cấp học gồm giáo dục trung học và giáo dục sau trung học, trong đó bằng trung cấp chuyên nghiệp (tương đương bậc 3 ISCED, bậc 4 EQF) thuộc THPT và bằng BTS, DUT (tương đương bậc 5 ISCED và bậc 5 EQF) thuộc giáo dục sau trung học.

Pháp phân luồng người học sau khi người học hoàn thành bậc THCS. Người học sau khi tốt nghiệp THCS có ba lựa chọn học tập để học tiếp ở bậc THPT trong đó có 02 lựa chọn định hướng học tiếp lên đại học (lựa chọn học bằng THPT hoặc bằng trung học kỹ thuật) và 01 lựa chọn định hướng đi làm (lựa chọn học lấy bằng trung học chuyên nghiệp).

Học sinh có bằng trung học chuyên nghiệp hay bằng nghề ở bậc cao hơn là BTS hay DUT đều có cơ hội học tập lên cao hơn, đặc biệt nếu kết quả học tập xuất sắc thì hoàn toàn có cơ hội học cử nhân. Có thể thấy con đường học tập có sự phân loại rất rõ theo trình độ học vấn.

2.2. Mô hình của Cộng hoà Liên bang Đức

Hệ thống giáo dục của CHLB Đức gồm:

(1) Giáo dục tiểu học: 6 đến 9 hoặc 11 tuổi tùy theo quy định của từng bang

(2) Giáo dục trung học bao gồm 2 giai đoạn:

Giáo dục THCS (Sekundarstufe I): Học sinh bắt đầu giáo dục THCS khi 10 hoặc 12 tuổi phụ thuộc vào thời lượng của giáo dục tiểu học ở bang đó. Có nhiều loại trường khác nhau mà học sinh có thể theo học giáo dục THCS, chẳng hạn như: Hauptschule, Realschule, Gymnasium hay Gesamtschule, cụ thể như sau:

Bảng 1. Một số mô hình của Cộng hoà Liên bang Đức

Hauptschule (bậc THCS)	Realschule (bậc THCS)	Gymnasium (THCS và THPT)	Gesamtschule
Lớp: 5–9 (hoặc 10 ở một số bang) Đào tạo chú trọng kỹ năng thực hành Học xong sẽ tham gia GDNN Học sinh: Thường là những người học học tập thực tế, thực hành nhiều hơn.	Lớp: 5–10 Đào tạo cân bằng giữa hàn lâm và thực hành Học xong sẽ học GDNN hoặc học hàn lâm. Học sinh: Thường là những người có thành tích học tập tốt nhưng không trực tiếp hướng tới đại học.	Lớp: 5–12 hoặc 13 (tùy thuộc vào bang) Đào tạo chuẩn bị cho học sinh vào đại học khi hoàn thành khóa học được nhận bằng Abitur là bằng cấp để vào đại học. Học sinh: Thường là những học sinh có thành tích cao.	(Trường tổng hợp) (THCS và THPT) Lớp: 5–12/13 Kết hợp các yếu tố của Hauptschule, Realschule và Gymnasium. Cung cấp nhiều bằng cấp (Hauptschulabschluss, Realschulabschluss, Abitur). Học sinh linh hoạt lựa chọn các lộ trình.

Giáo dục THPT (Sekundarstufe II): Dành cho học sinh tuổi từ 16 – 18/19. Các lựa chọn gồm:

(i) GDNN kép (dual VET) (thời lượng học ở trường 25% và doanh nghiệp 75%) trong đó chương trình 2 năm được xếp tương đương bậc 3 EQF, còn chương trình 3-3,5 năm được xếp tương đương bậc 4 EQF. Sau khi tốt nghiệp, người học có thể học để lấy bằng cấp cao hơn ở bậc giáo dục sau THPT ở các trường đại học khoa học ứng dụng (Fachhochschule).

(ii) Học toàn thời gian ở trường (school-based VET) tương đương bậc 2 tới 4 EQF gồm 2 loại chương trình là (1) chương trình GDNN toàn thời gian thời gian từ 1-3 năm; và (2) chương trình giáo dục phổ thông có định hướng nghề từ 2 – 3 năm và bằng tốt nghiệp là điều kiện đầu vào giáo dục đại học.

(iii) Học hàn lâm tại trường Gymnasium để lấy bằng Abitur là điều kiện đầu vào để học đại học.

(iv) Theo học các trường chuyên biệt (Specialized schools: e.g., Fachoberschule, Berufsoberschule). Các

chương trình chuyên biệt xếp bậc 4 hoặc 5 EQF, thời gian từ 1-3 năm và bằng tốt nghiệp chương trình này là đầu vào học đại học.

Về chương trình đào tạo của GDNN kép, tại trường nghề (Berufsschule), học viên được học các môn giáo dục phổ thông như: Tiếng Đức, Toán học, Nghiên cứu xã hội, Kinh tế, Giáo dục công dân. Các môn này được giảng dạy song song với các môn học về chuyên môn nghề nghiệp phù hợp với lĩnh vực đào tạo của học viên.

(3) Giáo dục sau THPT: Gồm trình độ đại học, thạc sĩ và tiến sĩ. Giáo dục sau THPT cũng bao gồm các chương trình GDNN nâng cao theo quy định của Luật GDNN sửa đổi năm 2020, cụ thể gồm ba cấp độ, bao gồm: Cấp độ đầu tiên: Chuyên gia nghề nghiệp được chứng nhận (Certified Professional Specialist); Cấp độ thứ hai: Cử nhân nghề nghiệp (Bachelor Professional); Cấp độ thứ ba: Thạc sĩ nghề nghiệp (Master Professional). Các bằng cấp GDNN nâng cao này tương ứng với các cấp độ 5 đến 7 của ISCED và 5 đến 7 của EQF.

(4) Giáo dục thường xuyên để giúp cá nhân thích ứng với sự thay đổi của thị trường lao động, đạt kỹ năng mới và theo đuổi phát triển cá nhân.

Từ các thông tin trên, có thể nhận định như sau:

Tương tự như Pháp, GDNN ở CHLB Đức không là một cấp/bậc học riêng mà được xếp thuộc trình độ THPT và ở trình độ sau trung học.

CHLB Đức định hướng phân luồng người học từ rất sớm, cụ thể là ngay sau khi người học hoàn thành cấp tiểu học thay vì hoàn thành cấp THCS như phần lớn các nước khác. Đây là điểm đặc trưng rất riêng của hệ thống giáo dục của CHLB Đức so với các quốc gia khác ở châu Âu. Có tới 4 lựa chọn (tương đương 4 loại trường) cho người học sau khi tốt nghiệp bậc tiểu học và sau khi tốt nghiệp THCS, người học có 3 lựa chọn cho THPT gồm học hàn lâm, hoặc học nghề (học nghề kép hoặc hoặc toàn thời gian) (thường kéo dài từ 2 – 3,5 năm, phổ biến là 3 năm) hoặc học trường chuyên biệt.

Người học tham gia học GDNN ở cấp THPT hay sau THPT vẫn tiếp tục có thể học lên bằng cấp cao hơn.

2.3. Mô hình của Úc

Hệ thống giáo dục Úc gồm:

Giáo dục tiểu học: Bảy hoặc tám năm, bắt đầu từ Lớp Nền tảng (còn gọi là mẫu giáo/dự bị/mầm non) đến Lớp 6 hoặc 7 tùy quy định của từng bang

Giáo dục THCS: Bốn năm từ Lớp 7 hoặc 8 đến Lớp 10 tùy quy định về giáo dục tiểu học của từng bang

Giáo dục THPT: Hai năm từ Lớp 11 đến Lớp 12 (chứng chỉ tốt nghiệp là Chứng chỉ THPT (Senior Secondary Certification of Education) (SSCE)

Đáng chú ý là chứng chỉ SSCE tại Úc có thể bao gồm các thành phần của chương trình GDNN, cho phép học sinh đạt được các chứng chỉ nghề (như Certificate I, II hoặc III) được công nhận trên toàn quốc ngay khi còn đang học trung học phổ thông. Những chứng chỉ này có thể được tính vào cả SSCE (các môn GDNN được tính điểm và đóng góp vào việc đạt được SSCE) và một chứng chỉ GDNN riêng biệt, mở ra các con đường học tiếp hoặc đi làm. Chương trình học GDNN được học ở các cơ sở GDNN được đăng ký (RTO). Số lượng học sinh trung học phổ thông tham gia các chương trình GDNN có xu hướng ngày càng tăng trong những năm gần đây.

Giáo dục sau trung học: bao gồm giáo dục đại học và GDNN trong đó:

+ Giáo dục đại học gồm các trình độ: Bằng trung cấp (Diploma), Bằng Cao đẳng liên kết (Associate degree), Bằng Cử nhân (Bachelor's degree), Chứng chỉ sau đại học (Graduate Certificate), Bằng sau đại học (Graduate Diploma), Bằng Thạc sĩ, (Master's degree), Bằng Tiến sĩ (Doctoral Degree).

+ GDNN gồm:

Chứng chỉ I, Chứng chỉ II: tương đương ISCED 2-3

Chứng chỉ III, Chứng chỉ IV: tương đương ISCED 3-4

Bằng Trung cấp (Diploma): tương đương ISCED 5

Bằng cao đẳng (Advanced Diploma): tương đương ISCED 5 hoặc 6

Chứng chỉ sau đại học (Graduate Certificate): tương đương ISCED 6 hoặc 7

Bằng sau đại học (Graduate Diploma): tương đương ISCED 6 hoặc 7

Từ các thông tin trên, có thể nhận định như sau:

Khác với Pháp và CHLB Đức, GDNN là một bậc trình độ đào tạo riêng, độc lập với bậc THPT, được xếp trong giáo dục sau trung học trong đó giáo dục sau trung học của Úc gồm giáo dục đại học và GDNN.

Úc phân luồng cho người học sau khi người học kết thúc THCS. Sau khi kết thúc THCS, người học có thể học tiếp lấy bằng THPT (lớp 11,12) hoặc theo học GDNN hoặc đi làm hay các cơ hội học tập khác. Đáng chú ý là người học THPT của Úc có thể vừa học THPT vừa tham gia học GDNN và lấy các chứng chỉ riêng của hệ thống GDNN. Điều kiện đầu vào học GDNN khác nhau tùy thuộc vào khóa học và do các cơ sở GDNN quyết định thay vì theo quy định chung của quốc gia.

Người học tham gia học GDNN có cơ hội học lên bằng cấp cao hơn.

3. Phân tích so sánh mô hình các quốc gia và giá trị tham khảo cho Việt Nam

Bảng so sánh ngắn gọn về vị trí của GDNN trong hệ thống giáo dục và một vài nội dung liên quan của 3 nước và so với Việt Nam theo dự thảo Luật GDNN sửa đổi như sau:

Bảng 2. Phân tích so sánh mô hình các quốc gia và giá trị tham khảo cho Việt Nam

Nội dung so sánh	Pháp	Đức	Úc	Việt Nam (Dự thảo Luật GDNN sửa đổi)
Điểm xuất phát phân luồng	Sau khi hoàn thành THCS	Sau khi hoàn thành bậc tiểu học	Sau khi hoàn thành THCS	Sau khi hoàn thành THCS
Vị trí của GDNN trong hệ thống giáo dục (độc lập/không độc lập)	Không độc lập	Không độc lập	Độc lập	Độc lập
Chương trình, GDNN và bậc trình độ	- BacPro: thuộc THPT (học tại trường trung học chuyên nghiệp) - BTS, DUT, Licence professionnelle thuộc giáo dục sau trung học	- GDNN kép và học toàn thời gian ở trường nghề, thuộc THPT - 3 chương trình nâng cao thuộc giáo dục sau trung học	Chứng chỉ I, Chứng chỉ II, Chứng chỉ III, Chứng chỉ IV, Bằng Trung cấp (Diploma), Bằng Cao đẳng (Advanced Diploma), Chứng chỉ sau đại học (Graduate Certificate), Bằng sau đại học (Graduate Diploma).	Sơ cấp Trung cấp Cao đẳng Trung học nghề Chương trình GDNN khác
Cơ hội học lên cao hơn sau khi tốt nghiệp chương trình GDNN	Có	Có	Có	Có

Kết quả nghiên cứu cho thấy không có một công thức chung cho tất cả các nước về vị trí của GDNN trong hệ thống giáo dục. GDNN có thể đứng độc lập như một bậc trình độ trong hệ thống giáo dục như mô hình của Úc và Việt Nam theo Luật Giáo dục 2019 và Luật GDNN 2014 hoặc có thể không độc lập mà thuộc các bậc trình độ khác là giáo dục THPT hoặc giáo dục sau trung học như mô hình của Pháp và CHLB Đức.

Khoản 2 Điều 61 của Hiến pháp Việt Nam hiện hành không xác định cụ thể hệ thống giáo dục gồm những cấp học nào, mà chỉ nêu định hướng chính sách: “Nhà nước ưu tiên đầu tư và thu hút các nguồn lực cho giáo dục; chăm lo giáo dục mầm non; bảo đảm giáo dục tiểu học là bắt buộc và không thu học phí; từng bước phổ cập giáo dục trung học; phát triển giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp; thực hiện chính sách học bổng và học phí hợp lý”. Tuy nhiên, theo Luật Giáo dục năm 2019 và dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đang được Quốc hội thảo luận, hệ thống giáo dục quốc dân được quy định rõ ràng hơn, bao gồm: giáo dục mầm non; giáo dục phổ thông (tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông); giáo dục nghề nghiệp; và giáo dục đại học. Điều này cho thấy giáo dục nghề nghiệp được xác lập vị trí độc lập trong hệ thống, không nằm trong bất kỳ cấp trình độ đào tạo nào khác.

Theo đó, để trả lời câu hỏi vị trí của trung học nghề trong hệ thống giáo dục (thuộc giáo dục phổ thông hay GDNN, hoặc tích hợp cả hai) thì trước hết cần xác định GDNN là độc lập hay thuộc các bậc trình độ đào tạo khác. Nếu xác định là độc lập như dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục và Luật GDNN sửa đổi hiện nay thì trung học nghề được xếp thuộc GDNN và được xếp tương đương bậc THPT (ISCED 3) (Trung học nghề được thiết kế là chương trình “giúp người học hoàn thiện trình độ học vấn phổ thông...”, (Điểm d Khoản 2 Điều 6 Dự thảo Luật GDNN sửa đổi) và chương trình “tích hợp giữa

kiến thức cốt lõi của THPT và chuyên môn nghề” (Khoản 2 Điều 18)).

Nếu xác định GDNN thuộc các bậc trình độ đào tạo như trung học phổ thông hay sau trung học thì cần nghiên cứu chỉnh sửa lại quy định trong dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Giáo dục, cụ thể quy định hệ thống giáo dục gồm giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông (tiểu học, THCS, THPT), giáo dục sau trung học. Trung học nghề khi đó được xếp thuộc bậc THPT.

Sau khi nghiên cứu mô hình của Pháp và Úc, có thể thấy chương trình trung học nghề theo dự thảo Luật GDNN (sửa đổi) tương tự như chương trình trung cấp chuyên nghiệp của Pháp. Trong khi đó, mô hình người học vừa có thể học THPT (hệ giáo dục thường xuyên (GDTX)) vừa có thể học lấy các chứng chỉ GDNN một cách độc lập theo Luật GDNN 2014 tương tự như mô hình của Úc. Bất cứ mô hình nào cũng sẽ có những ưu điểm và những thách thức riêng, do vậy cần nghiên cứu kỹ và tham khảo bài học thành công cũng như khó khăn của các quốc gia khi triển khai mô hình để rút ra các bài học cho Việt Nam.

Về chương trình đào tạo của trung học nghề theo dự thảo Luật GDNN sửa đổi, Việt Nam có thể tham khảo chương trình trung học chuyên nghiệp của Pháp và chương trình đào tạo nghề kép hoặc toàn thời gian của CHLB Đức nêu trên do cùng tương đương trình độ THPT (ISCED 3) và đều tích hợp các môn văn hóa phổ thông và các môn chuyên môn nghề. Định hướng thiết kế chương trình trung học nghề bảo đảm “tích hợp giữa kiến thức cốt lõi của THPT và chuyên môn nghề” theo Khoản 2 Điều 18 dự thảo Luật GDNN sửa đổi là hoàn toàn phù hợp. Tuy nhiên, do chức năng chính của bằng trung học nghề là người học có thể có làm việc ngay sau khi tốt nghiệp nên mặc dù chương trình cần bảo đảm người học có nền tảng giáo dục phổ thông để tạo điều kiện cho người học tiếp tục học lên các trình độ cao hơn nhưng chương trình đào tạo vẫn cần tập trung nhiều hơn vào các môn học chuyên môn theo ngành, nghề đào tạo và tập trung rèn luyện kỹ năng thực hành nghề hơn là lý thuyết.

Kết quả nghiên cứu mô hình của 3 quốc gia cho thấy các quốc gia đều chú trọng phân luồng người học từ sớm trong đó sớm nhất là CHLB Đức (ngay sau khi tốt nghiệp tiểu học), 2 quốc gia còn lại là Pháp và Úc phân luồng đối với người học tốt nghiệp THCS. Một điểm giống nhau giữa 3 mô hình là các quốc gia đều tạo cơ hội học tập cao hơn đối với người học GDNN bao gồm học trình độ đại học và trên đại học.

Ngoài ra, kết quả nghiên cứu cũng cho thấy sự cần thiết nghiên cứu các nội dung sau (1) việc bổ sung chương trình giáo dục trung học nghề thì tác động tới phân luồng như thế nào so với quy định tại Luật GDNN 2014. Thực tế, theo Luật GDNN 2014, người học tốt nghiệp THCS có 3 con đường học tập lên các trình độ cao hơn gồm: học tiếp lấy bằng THPT; vừa học THPT (hệ GDTX) vừa học trung cấp; chỉ học trung cấp. Theo dự thảo Luật GDNN sửa đổi, người học tốt nghiệp THCS chỉ có 2 lựa chọn học cao hơn gồm: học lấy bằng THPT; học lấy bằng trung học nghề; (2) khi bổ sung chương trình giáo dục trung học nghề thì tác động tới tuyển sinh trình độ trung cấp như thế nào do dự thảo Luật sửa đổi Luật Giáo dục quy định đầu vào của trình độ trung cấp là tốt nghiệp THPT trong khi đầu vào của cao đẳng cũng là THPT (học sinh tốt nghiệp THPT sẽ có xu hướng chọn học cao đẳng thay vì học trung cấp do đã đủ điều kiện vào học trình độ này, theo Luật GDNN 2014 thì đầu vào trung cấp bao gồm cả THCS nhưng hiện theo dự thảo Luật GDNN sửa đổi thì đầu vào trung cấp chỉ còn THPT và các trình độ tương đương trở lên); (3) khi trường trung cấp hay trường cao đẳng có chức năng đào tạo trung học nghề thì có cần thiết phải có trường trung học nghề trong mạng lưới cơ sở GDNN nữa hay không hoặc cả ba loại hình trường trung cấp, cao đẳng và trung học nghề cùng đào tạo trung học nghề có bị trùng chéo hay không?

4. Kết luận

GDNN luôn giữ vai trò then chốt trong việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của mỗi quốc gia. Vì vậy, các chính sách liên quan đến GDNN – đặc biệt là chính sách phân luồng học sinh sau THCS nhằm nâng cao tỷ lệ người học nghề – cần được nghiên cứu một cách bài bản và toàn diện. Mặc dù xây dựng chính sách hiệu quả cần xuất phát từ bối cảnh thực tiễn của từng quốc gia, nhưng kinh nghiệm quốc tế cũng cung cấp những thông tin tham khảo hữu ích để thiết kế các chính sách phù hợp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Aus4skills (2025). Tổng quan về hệ thống GDNN của Úc. Tài liệu Đại sứ quán Úc chia sẻ Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp tháng 10/2025 để hỗ trợ nghiên cứu chính sách

- [2] Australian Government Department of Education. (2021). Vocational education and training overview. <https://www.education.gov.au>
- [3] Campus France. (2023). Vocational education pathways in France. <https://www.campusfrance.org>
- [4] Department of Foreign Affairs and Trade (Australian Government). (2022). The Australian education system – Foundation level. <https://www.dfat.gov.au/sites/default/files/australian-education-system-foundation.pdf>
- [5] European Commission. (2018). European Qualifications Framework (EQF): Linking national qualifications systems to the EQF. <https://europa.eu>
- [6] Federal Ministry of Education and Research (Germany). (2022). Vocational education and training in Germany. <https://www.bmbf.de>
- [7] Hải Liên (2025). Chính phủ trình Quốc hội 3 dự án luật liên quan đến giáo dục. Báo điện tử Chính phủ
- [8]
- [9] NCVER. (2020). Understanding vocational education and training in Australia. National Centre for Vocational Education Research.
- [10] [nuffic://www.nuffic.nl/en/study-and-work-abroad/education-systems](https://www.nuffic.nl/en/study-and-work-abroad/education-systems)
- [11] Quốc hội. (2013). Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Thông qua ngày 28/11/2013 tại Kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa XIII.
- [12] Quốc hội. (2014). Luật Giáo dục nghề nghiệp số 74/2014/QH13. Thông qua ngày 27/11/2014, có hiệu lực từ ngày 01/7/2015.
- [13] Quốc hội. (2019). Luật Giáo dục số 43/2019/QH14. Thông qua ngày 14/6/2019, có hiệu lực từ ngày 01/7/2020.
- [14] Quốc hội. (2025). Dự thảo Luật Giáo dục nghề nghiệp (sửa đổi). Trình tại Kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XV.
- [15] Quốc hội. (2025). Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục. Trình tại Kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XV.
- [16] Tổng cục GDNN (2023). Dự thảo Đề án Ban Bí thư về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

ABSTRACT

The Position of Vocational Education in the Education Systems of Selected Countries: A Comparative Study and Reference Values for Vietnam

One of the important new points in the draft amended Law on Vocational Education is the introduction of vocational education programs at the upper secondary level, with the aim of improving the effectiveness of student streaming after lower secondary education. Many viewpoints argue that careful research is required to clearly determine the position of vocational education programs at the upper secondary level within the national education system, whether they belong to general education, vocational education, or represent an integrated model, as well as to examine curriculum design to ensure training quality. This study focuses on analyzing and comparing student streaming policies in vocational education and the position of vocational education within the education systems of three countries, namely France, the Federal Republic of Germany, and Australia. Based on this comparative analysis, the study identifies reference values and draws policy implications for Vietnam in addressing the above issues.

Keywords: Vocational education; reference values; Vietnam.